

Một vài suy nghĩ về việc giảng dạy chữ Nôm cho đối tượng sinh viên không thuộc ngành Hán Nôm

Tiến sĩ Phạm Văn Thắm
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Cùng với chữ Hán, người Việt sáng tạo ra một loại chữ viết riêng dùng ghi âm tiếng Việt gọi là chữ Nôm. Để góp phần vào việc bảo quản, khai thác giá trị mặng di sản văn hóa thành văn viết bằng chữ Nôm, chúng tôi xin trình bày một vài suy nghĩ về việc giảng dạy chữ Nôm cho đối tượng sinh viên không thuộc chuyên ngành Hán Nôm.

1. Việc dạy và học chữ Nôm của người xưa.

Sau khi nước nhà giành được độc lập, các triều Ngô (939 – 965), Đinh (968 – 980), Tiền Lê (980 – 1009) đều quan tâm tới giáo dục. Nhưng chỉ đến triều Lý, vua Lý Nhân Tông năm 1076 lập Quốc tử giám, mở khoa thi để tuyển chọn người tài thì việc thi cử mới bắt đầu từ đó. Có thi cử tất có trường dạy học. Hình thức dạy học của thời Lý như thế nào, hiện chưa đủ tài liệu để khảo cứu, nhưng theo truyền thuyết thì cùng với trường quốc lập, tại các làng xã, bên cạnh các nhà sư hàng ngày giảng dạy kinh sách ở chùa còn có các trí thức bình dân (tức là các ông đồ làng) đảm nhiệm việc giảng dạy cho chữ nghĩa cho mọi người. Sách *Tây hồ chí* có chép, thời Lý ở Thăng Long có Lý Công Ân là người dòng dõi tôn thất đã không ra làm quan mà ở nhà mở trường dạy học ở Bái Ân (nay là Nghĩa Đô Hà Nội).

Thời Trần, Quốc tử giám được tổ chức lại thành Quốc học viện và triều đình đã cho tổ chức các kỳ thi Hương, bên cạnh trường công chúng còn thấy các ông Trần Nhật Duật, Trần Ích Tắc, Chu Văn An mở lớp dạy tư. Trường công, trường tư là hai hình thức để truyền dạy kiến thức cho học trò. Căn cứ vào cách thức thi tuyển thì năm Hưng Long thứ 12 đời vua Trần Anh Tông (1304) triều đình mở khoa thi Đại tỷ lấy Thái học sinh. Phép thi được chia ra 4 kỳ, kỳ thứ nhất thi ám tả, kỳ tiếp theo thi kinh nghĩa... chúng ta có thể suy đoán việc giảng dạy và học tập của người Việt trước đây được bắt đầu từ học chữ, cách viết chữ, sau đến học nghĩa lý. Cũng theo sử chép, thời Trần, Hồ Quý Ly với tư cách là thầy dạy học cho Thái tử đã dịch thiên *Vô dật* trong sách *kinh Thư* ra quốc âm ghi bằng chữ Nôm dạy các quan gia, làm sách *Thi nghĩa* bằng quốc âm, sai nữ sư dạy Hậu phi và các cung nhân học tập. Điều này cho thấy chữ Nôm một loại hình chữ viết của dân tộc Việt đã cùng được sử dụng trong giảng dạy và người học chữ Nôm trước hết là những người đã làm quan.

Các triều đại về sau đều kế nối các phương thức dạy và học của thời trước. Đặc biệt là việc truyền dạy chữ Nôm đã được người xưa rất quan tâm. Căn cứ vào các tập sách được biên soạn để phục vụ việc dạy và học chữ Nôm như: *Tam thiên tự giải âm* (AB.19), *Thiên tự văn giải âm* (AB.227), *Tam tự giải âm* (AB.474), *Tam tự thư tân dụng* (AB.279), *Tam tự kinh giải âm diễn ca* (AB.374), *Tự học toàn yếu*... chúng ta có thể nhận thấy động cơ của người biên soạn các cuốn

sách này đều xuất phát từ ý nguyện muốn bảo tồn vốn chữ viết của dân tộc. Phương pháp biên soạn đều theo một phương thức dựa vào một văn bản chữ Hán, hoặc sưu tập các chữ Hán được sử dụng rộng rãi trong đời đường, sắp xếp chúng theo môn loại, rồi làm các công việc *giải âm*, *giải nghĩa*. Phần *giải âm*, *giải nghĩa* ghi bằng chữ Nôm. Ví dụ: 天= 忝 (thiên = trời), 地= 坦 (địa = đất), 失= 佚 (thất = mất), 存= 群 (tồn = còn), 子= 隹 (tử = con), 孫= 孫 (tôn = cháu)... Mục đích của người biên soạn theo như lời tựa sách *Tam thiên tự giải âm*. AB.19 “là làm bài dạy cho trẻ nhỏ... giúp cho các học trò của chúng ta từ bậc thấp, bước gàn trèo lên cao và đi tới xa được” (Bản dịch của cụ Trần Văn Giáp). Tuy nhiên chúng ta cũng thấy các triều đại phong kiến Việt Nam không quy định cho việc dạy và học chữ Nôm ở trong các trường do nhà nước hoặc tư nhân sáng lập. Việc dạy và học chữ Nôm của người xưa đều theo hướng tự phát: thầy tự dạy, trò tự học. Nhà nước không tổ chức thi hoặc kiểm tra. Tuy nhiên, với khả năng học và vận dụng kiến thức đã học vào việc ghi chép, sáng tác, người xưa đã để lại cho đời các tác phẩm nổi tiếng như *Quốc âm thi tập*, *Hồng đức quốc âm thi tập*, *Chỉ nam ngọc âm*, *Tân biên Truyền kỳ mạn lục tặng bổ giải âm tập chú*...

2. Một vài suy nghĩ về việc dạy và học chữ Nôm ngày nay.

Cho đến nay, chữ Nôm đã trở thành tử ngữ, như mảnh di sản văn hóa thành văn viết bằng chữ Nôm của người xưa để lại có thể gọi là quốc túy, quốc hồn của dân tộc. Công việc bảo quản và khai thác giá trị mảnh di sản quý báu này là trách nhiệm của mọi người dân. Một trong các phương thức bảo quản, khai thác có hiệu quả nhất là đầu tư vào công việc dạy và học chữ Nôm cho mọi người dân đất Việt.

Từ trước tới nay việc dạy và học chữ Nôm đã được nhà nước rất quan tâm. Đã có những bộ giáo trình được biên soạn để phục vụ việc giảng dạy và học tập môn học này. Tuy nhiên, các bộ giáo trình này đã được sử dụng để giảng dạy cho đối tượng học là các sinh viên thuộc chuyên ngành Hán Nôm. Đối với các sinh viên thuộc các chuyên ngành khoa học xã hội, chữ Nôm chỉ là một môn học bổ trợ thì chương trình này lại quá nặng về lý thuyết, ít phần thực hành đối với người học.

Chúng tôi nhận thấy việc giảng dạy, học tập chữ Nôm nên căn cứ vào nhiệm vụ, và những nhu cầu trong xã hội mà đặt ra những yêu cầu cụ thể cho từng đối tượng. Nên có hai mức học tập. Chương trình phổ cập và chương trình nâng cao. Đối với mỗi chương trình cũng nên có những quy định về thời gian học, nội dung học. Chương trình phổ cập dành cho những người đã qua một thời gian học chữ Hán. Môn học chữ Nôm cũng phải từ 3 đến 4 học phần. Chương trình phổ cập nên có hai phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết chỉ nên cung cấp, giới thiệu các thành tựu nghiên cứu chữ Nôm của người đi trước, chủ yếu tập trung vào phần lý thuyết cấu tạo chữ và cách phân biệt loại chữ mượn và loại chữ tự tạo để phục vụ cho việc thực hành đọc văn bản. Sau mỗi khóa học, người theo học cần nắm được 3.000 mã chữ Nôm. Số lượng mã chữ này là vốn kiến thức cần thiết để mỗi người có thể thụ động vận dụng các điều đã học vào trong công việc. Số lượng mã chữ này cũng là một trong các tiêu chí cho người tiếp tục theo học chương trình nâng cao.

Phần thực hành đọc văn bản, trước hết cần cho sinh viên tiếp cận ngay với các văn bản Nôm do người xưa viết trên giấy hoặc văn bản khắc in, văn bia khắc bằng chữ Nôm do người xưa viết trên giấy hoặc văn bản khắc in, văn bia khắc bằng chữ Nôm như văn bản hương ước để

các em không bỏ ngỡ khi tiếp cận với các văn bản Nôm đã được lưu hành trong xã hội. Đây là điều rất cần thiết cho việc xây dựng niềm tin và tính năng động cho người học.

Thầy dạy nên tìm cách khơi gợi óc suy luận về cách đọc mã chữ Nôm cho sinh viên. Theo chúng tôi, bước đầu nên cung cấp cho các em một số mã chữ Nôm có âm đọc gắn với thực tế cuộc sống như:

1. Các mã chữ Nôm ghi âm số thứ tự:

+ 𠂇, 𠂈 = một; 𠂉 = hai; 𠂊 = ba; 𠂋 = bốn; (𠂌 = tư); 𠂍 = năm; 𠂎 = sáu; 𠂏 = bảy; 𠂐, 𠂑 = tám; 𠂒 = chín; 𠂓 = mười,...

2. Các mã chữ Nôm được dùng làm đại từ:

- Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít: 碎 = tôi, 些 = ta, 個 = tớ...

- Đại từ nhân xưng ngôi thứ hai số ít: 𠂔 = chàng, 娘 = nàng, 英 = anh, 俺 = em...

- Đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số ít: 户 = họ, 奴 = nó, 翁 氏 = ông ấy, 婆 氏 = bà ấy...

- Các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai, ngôi thứ ba số nhiều: 衆 碎 = chúng tôi, 各 英 = các anh, 各 翁 氏 = các ông ấy...

3. Các mã chữ Nôm chỉ thời gian

𠂕 = năm, 𠂖 = tháng, 𠂗 = ngày, 𠂘 = giờ...

4. Các mã chữ Nôm có âm đọc liên quan tổ chức hành chính của một làng như:

里 長 = lý trưởng, 耆 目 = kỳ mục, 張 巡 = trương tuần, 夫 役 = phu dịch...

5. Các mã chữ Nôm ghi âm liên quan tới các tập tục của làng xã như:

𠂙 神 = thờ thần, 𠂚 敕 = rước sắc, 𠂛 廊 = việc làng, 𠂜 禍 = ăn vạ, 𠂝 望 = khao vọng...

Một khi các em đã đọc đúng nhiều mã chữ Nôm trong một văn bản, điều này sẽ tạo niềm tin, khiến các em năng động hơn, chủ động tiếp cận văn bản.

Khi thực hành đọc văn bản, thầy dạy cũng nên lý giải thêm cho sinh viên về sự khác biệt giữa mã chữ Nôm mượn và mã chữ Nôm tự tạo. Chẳng hạn mã chữ 鎖 = tỏa trong câu thơ “nghi ngút đầu gềnh tỏa khói hương” của vua Lê Thánh Tông. Chữ 鎖 = tỏa nguyên là mã chữ Hán có âm Hán Việt là *tỏa* xuất hiện trong các cụm từ *phong tỏa*, *bé quan tỏa cảng* mang nét nghĩa là **đóng lại**. Nhưng mã chữ 鎖 = tỏa lại xuất hiện trong “tỏa khói hương” là mã chữ Nôm được người Việt mượn âm Hán Việt để ghi âm Việt. Nét nghĩa của mã chữ này là **lan ra, tỏa ra** ngược hẳn nghĩa so với mã chữ Hán.

Trên lớp cũng nên dành thì giờ cho các em tập viết chữ. Thời gian viết chữ chính là thời gian để các em nhớ lại các mã chữ đã học.

Chúng tôi nhận thấy hình thức hướng dẫn sinh viên thực hành như đã nêu, đáp ứng được nhu cầu người học. Đối với sinh viên học chữ Nôm không thuộc chuyên ngành Hán Nôm sau

một thời gian học (2 học phần = 30 tiết), các em có thể nắm được các cách phiên đọc chữ Nôm và chủ động đọc được loại văn bản Hương ước có cùng cấu trúc.

Một chương trình giảng dạy phù hợp và cân đối chắc chắn công việc dạy và học chữ Nôm cho đối tượng sinh viên không thuộc chuyên ngành Hán Nôm sẽ đạt hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

- *Tây hồ chí: A.2192/1*
- *Quốc triều hương khoa lục*. Nxb. Tp Hồ Chí Minh. 1993
- *Đại Việt sử ký toàn thư. T.II*. Nxb. KHXH.H. 1971
- *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm T.IV*. Nxb.GD.1987